

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐẶNG NGỌC HUY

**MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ
THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. TRỊNH TIẾN VIỆT

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các bảng

Danh mục các biểu đồ

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ	8
1.1. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC QUY ĐỊNH MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM.....	8
1.1.1. Khái niệm miễn trách nhiệm hình sự.....	8
1.1.2. Ý nghĩa của việc quy định miễn trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam	15
1.2. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC QUY ĐỊNH VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NAY	18
1.2.1. Giai đoạn từ Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985	18
1.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến khi pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999	24
1.3. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ.....	28
1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga	29
1.3.2. Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển.....	33
1.3.3. Bộ luật hình sự Tây Ban Nha.....	37
1.3.4. Bộ luật hình sự Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào	38
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK	40
2.1. QUY ĐỊNH CỦA PHẦN CHUNG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ.....	41
2.1.1. Trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội	41
2.1.2. Trường hợp do sự chuyển biến của tình hình	42
2.1.3. Trường hợp do hành vi tích cực của người phạm tội	46
2.1.4. Trường hợp khi có quyết định đại xá.....	49
2.1.5. Trường hợp đối với người chưa thành niên phạm tội.....	50
2.2. QUY ĐỊNH CỦA PHẦN CÁC TỘI PHẠM BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ	52

2.2.1.	Trường hợp đối với người phạm tội gián điệp.....	52
2.2.2.	Trường hợp đối với người phạm tội đưa hối lộ	54
2.2.3.	Trường hợp đối với người phạm tội làm môi giới hối lộ	55
2.2.4.	Trường hợp đối với người phạm tội không tố giác tội phạm	57
2.3.	THỰC TIỄN ÁP DỤNG MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRÊN ĐIA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK.....	58
2.3.1.	Khái quát chung về tình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.....	58
2.3.2.	Thực tiễn áp dụng miễn trách nhiệm hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án	59
2.3.3.	Một số tồn tại, hạn chế trong thực tiễn áp dụng và các nguyên nhân cơ bản... 67	
	Chương 3: HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG	74
3.1.	SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ	74
3.1.1.	Về phương diện thực tiễn áp dụng.....	74
3.1.2.	Về phương diện lý luận.....	75
3.1.3.	Về phương diện lập pháp hình sự	76
3.2.	KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ.....	77
3.2.1.	Nhận xét chung	77
3.2.2.	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung.....	81
3.3.	NHỮNG KIẾN NGHỊ KHÁC NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ	84
3.3.1.	Sửa đổi, bổ sung thống nhất về căn cứ miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự.....	84
3.3.2.	Sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và gia đình người được miễn trách nhiệm hình sự để giám sát, quản lý và giáo dục.....	85
3.3.3.	Nâng cao ý thức pháp luật, năng lực, trình độ chuyên môn của người có thẩm quyền áp dụng miễn trách nhiệm hình sự trong Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án.....	88
3.3.4.	Tăng cường hiệu quả của Viện kiểm sát trong việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án do miễn trách nhiệm hình sự.....	89
	KẾT LUẬN	93
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	96

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Tiếp tục hoàn thiện Hiến pháp và hệ thống pháp luật phục vụ cho công cuộc đổi mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội được coi là một trong những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước ta hiện nay, tiến tới xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Trong Nhà nước pháp quyền đó, pháp luật luôn luôn là một công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện sự quản lý đối với toàn xã hội, đồng thời pháp luật cũng là một công cụ để củng cố và bảo vệ sự tồn tại của Nhà nước. Điều đặc biệt hơn chính là quyền con người, quyền công dân được coi trọng và bảo đảm và đã được đề cập trong một Chương II của Hiến pháp mới năm 2013.

Trong luật hình sự Việt Nam, miễn trách nhiệm hình sự là một chế định nhân đạo, nhân văn, phản ánh nguyên tắc xử lý “*ng nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục thuyết phục*”, cũng như phản ánh yêu cầu - “*không cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự, mà vẫn bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và giáo dục cải tạo người phạm tội*”.

Ngoài ra, miễn trách nhiệm hình sự cũng là một vấn đề phức tạp và luôn thu hút được sự quan tâm của các nhà khoa học pháp lý. Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu, các bài viết về vấn đề này. Tuy vậy, vẫn còn nhiều vấn đề chưa thống nhất như: khái niệm, đặc điểm, hậu quả pháp lý, cũng như chưa tổng kết thực tiễn xét xử. Hiện nay, trên địa bàn cả nước nói chung, địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng, các cơ quan tiến hành tố tụng ít nhiều còn gặp khó khăn trong việc áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự. Theo đó, hiện tượng sai hay bỏ lọt tội phạm, nhầm lẫn giữa miễn trách nhiệm hình sự với loại trừ trách nhiệm hình sự, với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hoặc cho miễn trách nhiệm hình sự để tránh bồi thường oan, sai vẫn xảy ra; v.v...

Đặc biệt, căn cứ vào Nghị quyết số 07/2011/QH13 ngày 06/8/2011 của Quốc hội khóa XIII về Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2012 và điều chỉnh chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2011 và Định hướng sửa đổi Bộ luật hình sự do Ban Soạn thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi) ban hành. Theo đó, điểm 1.2 tiểu mục 1 Phần IV - Định hướng cơ bản sửa đổi Bộ luật hình sự trong Đề cương định hướng sửa đổi, bổ sung số 7724/ĐC-BST (SĐ) ngày 24/9/2012 yêu cầu: “Sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật hình sự liên quan đến các chế định loại trừ trách nhiệm hình sự, ***miễn trách nhiệm hình sự***, miễn, giảm hình phạt, xóa án tích...”.

Vì vậy, từ các lý do đã nêu trên, học viên quyết định chọn đề tài: “***Miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk***” làm luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu chủ đề về “*miễn trách nhiệm hình sự*” cho thấy đã có nhiều công trình nghiên cứu trực tiếp và gián tiếp về vấn đề này trên các sách báo pháp lý hình sự ở trong và ngoài nước như sau:

* *Dưới góc độ sách báo pháp lý nước ngoài*, đó là những công trình sau đây: 1) Michael Bogdan (chủ biên), *Mục 4 - Miễn trách nhiệm hình sự*, trong sách: *Luật hình sự Thụy Điển trong kỷ nguyên mới*, Nxb. Elanders Gotab, Stockholm, 2000; 2) TS. Agnê Barans Kaitê và TS. Jonas Prapistis, *Miễn trách nhiệm hình sự và mối quan hệ với Hiến pháp và tư pháp*, Tạp chí Tư pháp, Cộng hòa Látvia, số 7 (85)/2006; một số công trình khoa học bằng tiếng Nga được dẫn ra trong Sách chuyên khảo Sau đại học: *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005 của GS.TSKH. Lê Văn Cẩm; v.v...

* *Dưới góc độ sách chuyên khảo, giáo trình trong nước*, có các công trình sau đây: 1) GS. TSKH. Lê Văn Cẩm, Mục III - Chế định miễn trách nhiệm hình sự, Chương 8, trong Sách chuyên khảo Sau đại học: *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005; 2) GS. TSKH. Lê Cẩm (chủ biên), *Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005; 3) TS. Trịnh Tiến Việt, Chương 3, Trong sách: *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013 và, *Pháp luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự và thực tiễn áp dụng*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013; v.v...

* *Dưới góc độ bài viết trên các tạp chí trong nước*, có các công trình sau đây: 1) GS. TSKH. Lê Cẩm, *Về các dạng miễn trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 25 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 01/2001; 2) GS. TSKH. Lê Cẩm, TS. Trịnh Tiến Việt, *Phân biệt miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 2/2004; 3) PGS. TS. Nguyễn Ngọc Chí, *Chế định miễn trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Khoa học (chuyên san Luật), số 4/1997; 4) PGS. TS. Lê Thị Sơn, *Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Luật học, 5/1997; 5) PGS. TS. Phạm Hồng Hải, *Về chế định miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 1999*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 12/2001; 6) TS. Trịnh Tiến Việt, *Hoàn thiện các quy định về miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, miễn chấp hành hình phạt và án treo*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 11, 12(6)/2013; v.v...

Đặc biệt, tác giả Trịnh Tiến Việt thực hiện công trình “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam*” làm luận án tiến sĩ luật học tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2008. Tuy nhiên, từ đó đến nay vẫn chưa có tác giả nào tiếp tục nghiên cứu về vấn đề này, đặc biệt từ khi có Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2009, cũng như đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn một tỉnh cụ thể mà an ninh, trật tự rất cần ổn định (địa bàn tỉnh Đắk Lắk). Vì vậy, việc lựa chọn đề tài đã nêu để nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk,

góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng rõ ràng vẫn có tính thời sự cấp bách hiện nay.

3. Mục đích và phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn có mục đích làm sáng tỏ về phương diện lý luận các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam và việc áp dụng vào thực tiễn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản, từ đó đề xuất hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự, cũng như những kiến nghị khác nâng cao hiệu quả áp dụng, qua đó góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm và giáo dục, cải tạo người phạm tội.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn có phạm vi nghiên cứu là các vấn đề lý luận và thực tiễn về những trường hợp miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam (khái niệm, bản chất pháp lý và nội dung cơ bản, có so sánh với Bộ luật hình sự một số nước), đồng thời đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013), chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản để đề xuất hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự về miễn trách nhiệm hình sự, đồng thời có những kiến nghị khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định đó.

4. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn: Miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn có nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

1) Xây dựng khái niệm miễn trách nhiệm hình sự và phân tích ý nghĩa của việc quy định và làm sáng tỏ những đặc điểm cơ bản của miễn trách nhiệm hình sự;

2) Hệ thống hóa lịch sử hình thành và phát triển của các quy định về miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam từ Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay để rút ra nhận xét, đánh giá;

3) Nghiên cứu, so sánh quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam với Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới về miễn trách nhiệm hình sự để rút ra nhận xét, đánh giá;

4) Phân tích quy định Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về miễn trách nhiệm hình sự và đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013) của những cơ quan tiến hành tố tụng, từ đó chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản;

5) Luận chứng và kiến nghị hoàn thiện quy định về miễn trách nhiệm hình sự theo Bộ luật hình sự Việt Nam, cũng như đưa ra kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định đó.

5. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận văn dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, giáo dục, cải tạo người phạm tội. Đồng thời dựa trên những thành tựu của khoa học như: triết học, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, Tội phạm học...

5.2. Các phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, hệ thống... để tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu.

Ngoài ra, việc nghiên cứu đề tài còn dựa vào thực tiễn xét xử cũng như số liệu của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương với tên gọi như sau:

Chương 1: Những vấn đề chung về miễn trách nhiệm hình sự.

Chương 2: Quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương 3: Hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự và những kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

1.1. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC QUY ĐỊNH MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1.1. Khái niệm miễn trách nhiệm hình sự

Miễn trách nhiệm hình sự xuất hiện khi có trách nhiệm hình sự, khái niệm, nội dung của miễn trách nhiệm hình sự được bắt nguồn từ trách nhiệm hình sự. Do đó, làm sáng tỏ nội dung của trách nhiệm hình sự thì sẽ phản ánh hình thức của trách nhiệm hình sự là miễn trách nhiệm hình sự.

Trước hết, Đại từ điển Tiếng Việt định nghĩa “*trách nhiệm*” được hiểu đơn giản là: “*điều phải làm, phải gánh vác hoặc phải nhận lấy về mình*”. Còn trong thực tiễn pháp lý, “*trách nhiệm*” thường được hiểu theo nghĩa tiêu cực, là hậu quả bất lợi của một người đã thực hiện hành vi vi phạm bốn phạm, nghĩa vụ phải gánh chịu trước người khác, trước Nhà nước. Chính vì thế, “*trách nhiệm hình sự*” là thuật ngữ được dùng để áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật hình sự, đồng thời là một dạng của trách nhiệm pháp lý.

Như vậy, nếu trách nhiệm hình sự được đặt ra đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm, thì

miễn trách nhiệm hình sự cũng được áp dụng với đối tượng này khi có các căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự.

1.1.2. Ý nghĩa của việc quy định miễn trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam

Do đó, từ khái niệm đã nêu, căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam cho thấy sự cần thiết và ý nghĩa của việc quy định chế định này như những đặc điểm cơ bản của nó phản ánh các nội dung sau đây:

* *Ý nghĩa thứ nhất - miễn trách nhiệm hình sự thể hiện sự lên án hành vi, người phạm tội từ phía Nhà nước*

* *Ý nghĩa thứ hai - miễn trách nhiệm hình sự phản ánh chính sách phân hóa tội phạm và người phạm tội trong luật hình sự Việt Nam*

* *Ý nghĩa thứ ba - miễn trách nhiệm hình sự thể hiện nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa*

* *Ý nghĩa thứ tư - miễn trách nhiệm chỉ áp dụng đối với người thực hiện tội phạm, là chủ thể của tội phạm, nhưng họ lại có những điều kiện nhất định để được miễn trách nhiệm hình sự*

* *Ý nghĩa thứ năm - miễn trách nhiệm hình sự còn phản ánh nguyên tắc công bằng (công minh)*

Tóm lại, quy định miễn trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam là cần thiết, không chỉ phản ánh nguyên tắc nhân đạo, mà còn thể hiện nguyên tắc xử lý kết hợp hài hòa giữa trừng trị với giáo dục, thuyết phục, cũng như phản ánh yêu cầu các cơ quan, người có thẩm quyền không cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự một người, mà vẫn bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và giáo dục cải tạo người phạm tội đó và những người khác trong xã hội.

1.2. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC QUY ĐỊNH VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NAY

1.2.1. Giai đoạn từ Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với sự ra đời Nhà nước Việt Nam kiểu mới đầu tiên. Với thắng lợi to lớn mang ý nghĩa chính trị - lịch sử này, bên cạnh việc hình thành một Nhà nước kiểu mới đó thì cũng đồng thời đánh dấu một mốc quan trọng và phát triển trong lịch sử lập pháp nói chung, lịch sử lập pháp hình sự nói riêng ở nước ta. Tính từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 cho thấy, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp về vấn đề miễn trách nhiệm hình sự ở các mức độ khác nhau nhưng còn tản mạn trong các văn bản pháp lý với nhiều tên gọi khác nhau, thực hiện phương châm trong đường lối xử lý, đó là “*ngghiêm trị kết hợp với khoan hồng*”, “*trừng trị kết hợp với giáo dục, thuyết phục*” và nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự nước ta.

1.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến khi pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

Năm 1985, Bộ luật hình sự đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời đã đánh dấu một bước phát triển mới của hệ thống pháp luật hình sự nói chung, các quy định về miễn trách nhiệm hình sự nói riêng.

Như vậy, quy định về miễn trách nhiệm hình sự trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam trước đây có nhiều tên gọi khác nhau và trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành với tên gọi thống nhất là “*miễn trách nhiệm hình sự*” là một điểm tiến bộ không chỉ về mặt kỹ thuật lập pháp (ngôn từ), mà còn có ý nghĩa về phương diện nội dung, qua đó, tạo cơ sở pháp lý cho sự kết hợp các biện pháp cưỡng chế về hình sự của Nhà nước với các biện pháp tác động xã hội trong việc giáo dục, cải tạo người phạm tội trong luật hình sự Việt Nam.

1.3. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

Hiện nay, các nước trên thế giới đều quy định trong pháp luật hình sự về các biện pháp miễn (hoặc) giảm trách nhiệm hình sự và hình phạt có tính chất *khoan hồng, nhân đạo* đối với người phạm tội nếu họ đáp ứng đầy đủ *những điều kiện* do pháp luật định để phân hóa tội phạm và người phạm tội. Qua nghiên cứu cho thấy có *ba* nhóm chính như sau:

- Nhóm các nước quy định về miễn hình phạt, miễn giảm hình phạt hoặc miễn trừ hình phạt mà *không có* miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự. Ví dụ: Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Vương quốc Nhật Bản, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; v.v...

- Nhóm các nước quy định bao gồm cả các biện pháp trong *nhóm thứ nhất*, ngoài ra có thêm biện pháp *miễn* trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự. Ví dụ: Liên bang Nga, Việt Nam, Cộng hòa Latvia; v.v...

- Nhóm các nước quy định tất cả các biện pháp trong cả *nhóm thứ nhất* và *nhóm thứ hai* đã nêu, nhưng riêng *bản chất pháp lý* của miễn trách nhiệm hình sự lại hoàn toàn khác theo quan điểm của các nhà làm luật Việt Nam thể hiện trong Bộ luật hình sự. Ví dụ: Tây Ban Nha, Vương quốc Thụy Điển, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào; v.v...

Do đó, việc nghiên cứu, so sánh về miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự của một số nước có đề cập đến để có thêm thông tin tham khảo hoàn thiện chế định miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam có tính cấp thiết.

1.3.1. Bộ luật hình sự Liên bang Nga

Bộ luật hình sự Liên bang Nga được Duma Quốc gia năm 1996, sửa đổi gần đây nhất năm 2010 bằng Luật Liên bang số 147 ngày 01/7/2010. Liên quan đến chế định miễn trách nhiệm hình sự, trong Bộ luật hình sự Liên bang Nga đã quy định trong Bộ luật hình sự này tại một chương riêng biệt (Chương 11) bao gồm *ba* điều luật tương ứng là *ba* trường hợp miễn trách nhiệm hình sự (bãi bỏ trường hợp miễn trách nhiệm hình sự do sự chuyển biến của tình hình), cụ thể như sau:

- Trường hợp miễn trách nhiệm hình sự *do sự ăn năn hối cải* (Điều 75) quy định:

- Trường hợp miễn trách nhiệm hình sự *do đã hòa giải với người bị hại* (Điều 76)

- Trường hợp miễn trách nhiệm hình sự *do đã hết thời hiệu* (Điều 78).

Như vậy, so với các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự quy định trong Phần chung Bộ luật hình sự Việt Nam, thì về cơ bản các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự của hai nước là *tương đối* giống nhau.

1.3.2. Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển

Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển năm 1962, sửa đổi gần đây nhất là năm 2005. Theo đó, các nhà làm luật Vương quốc Thụy Điển quan niệm miễn trách nhiệm hình sự trong luật hình sự được xem như là một nguyên tắc của luật hình sự dựa trên cơ sở xung đột về lợi ích, dùng để chỉ ra rằng không có tội phạm được thực hiện mặc dù trên thực tế hành vi của một người nào đó đã thực hiện thỏa mãn đầy đủ cả các yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan đối với một loại tội phạm cụ thể.

Theo Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển, những trường hợp sau đây được coi là các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự - sự ưng thuận, phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết (hay ngăn ngừa mối nguy hiểm sắp xảy ra), thi hành công vụ, chấp hành mệnh lệnh hay thẩm quyền hợp pháp.

Như vậy, trong Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển có những tình tiết mang bản chất là trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, nhưng cũng có trường hợp lại chính là các tình tiết *loại trừ* trách nhiệm hình sự theo Bộ luật hình sự nước ta.

1.3.3. Bộ luật hình sự Tây Ban Nha

Bên cạnh Bộ luật hình sự Liên bang Nga và Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển mặc dù có bản chất pháp lý khác nhau nhưng quy định tương đối đầy đủ trong Bộ luật hai nước về chế định miễn trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, tham khảo Bộ luật hình sự Tây Ban Nha năm 1995 cho thấy, đã dành hẳn một chương quy định về miễn trách nhiệm hình sự, nhưng những trường hợp miễn trách nhiệm hình sự trong đó lại mang *bản chất pháp lý* là các trường hợp (tình tiết) loại trừ trách nhiệm hình sự theo quan điểm của các nhà làm luật thể hiện trong Bộ luật hình sự Việt Nam (Chương II - “*Các căn cứ miễn trách nhiệm hình sự*” với các điều 20-21).

1.3.4. Bộ luật hình sự Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào

Bộ luật hình sự nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào năm 1999 có quy định tại Chương IV - “*Miễn trừ trách nhiệm hình sự*” với các trường hợp sau đây:

- Người chưa đủ 15 tuổi tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì không phải chịu trách nhiệm hình sự (Điều 17) nhưng Tòa án phải áp dụng biện pháp giáo dục, cải tạo quy định tại Điều 48;

- Người bị mất trí, không nhận thức được hậu quả của hành vi do mình gây ra thì không phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng Tòa án phải buộc họ chữa bệnh theo quy định của Bộ luật hình sự (Điều 18);

- Người thực hiện hành vi phạm tội trong trạng thái bị phụ thuộc, bị đe dọa, uy hiếp thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp tội

phạm nghiêm trọng thì sự đe dọa, uy hiếp chỉ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Điều 19);

- Người thực hiện hành vi phạm tội trong trường hợp phòng vệ chính đáng, thì không bị coi là phạm tội và không phải chịu trách nhiệm hình sự (Điều 20);

- Người thực hiện hành vi phạm tội trong trường hợp tình thế cấp thiết thì không bị coi là phạm tội và không phải chịu trách nhiệm hình sự (Điều 21).

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

Trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, sửa đổi năm 2009 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự) có quy định chín trường hợp miễn trách nhiệm hình sự bao gồm *năm* trường hợp trong Phần chung và *bốn* trường hợp trong Phần các tội phạm tại Điều 19, khoản 1, 2, 3 Điều 25, khoản 2 Điều 69, khoản 3 Điều 80, đoạn 2 khoản 6 Điều 289, khoản 6 Điều 290 và khoản 3 Điều 314.

2.1. QUY ĐỊNH CỦA PHẦN CHUNG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

2.1.1. Trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (Điều 19 Bộ luật hình sự)

Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là một trong những quy định có ý nghĩa nhằm động viên, khuyến khích người phạm tội từ bỏ dứt khoát và vĩnh viễn ý định thực hiện tội phạm đến cùng của mình, qua đó hạn chế những thiệt hại (hậu quả) nguy hiểm có thể gây ra cho các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ.

2.1.2. Trường hợp do sự chuyển biến của tình hình (khoản 1 Điều 25 Bộ luật hình sự)

** Trường hợp do sự chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa*

Đây là trường hợp khi các cơ quan tiến hành tố tụng tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã phạm tội, do tình hình đã thay đổi, Bộ luật hình sự hiện hành quy định hành vi do người đó thực hiện đã không còn nguy hiểm cho xã hội, mặc dù vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì hành vi đó được Bộ luật hình sự quy định là tội phạm.

** Trường hợp do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa*

Đây là dạng thứ *hai* của trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 25 Bộ luật này và nêu thỏa mãn, người phạm tội cũng được miễn trách nhiệm hình sự.

2.1.3. Trường hợp do hành vi tích cực của người phạm tội (khoản 2 Điều 25 Bộ luật hình sự)

- Tội phạm mà người tự thú đã thực hiện phải chưa bị phát giác;

- Người tự thú phải khai báo đầy đủ các hành vi phạm tội của mình và các người đồng phạm khác, cung cấp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền những thông tin, chứng cứ có liên quan đến tội phạm được thực hiện... để góp phần điều tra, khám phá tội phạm và;

- Người tự thú còn phải cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý là trường hợp người phạm tội buộc phải ra trình diện trước sự đe dọa, trước sức ép của người khác hoặc sau khi bị phát giác, vụ án hình sự được khởi tố, sau khi có quyết định khởi tố bị can, quyết định truy nã người phạm tội mới tới trình diện thì không được coi là tự thú.

2.1.4. Trường hợp khi có quyết định đại xá (khoản 3 Điều 25 Bộ luật hình sự)

Cũng theo Điều 25 Bộ luật hình sự, khoản 3 quy định người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự khi có quyết định *đại xá*. Đây là một trường hợp miễn trách nhiệm hình sự mới được nhà làm luật nước ta quy định bổ sung trong Bộ luật hình sự năm 1999. Theo quy định của Hiến pháp nước ta thì chỉ có Quốc hội mới có thẩm quyền quyết định đại xá (khoản 15 Điều 50 Hiến pháp năm 1959; khoản 12 Điều 83 Hiến pháp năm 1980 và khoản 10 Điều 84 Hiến pháp năm 1992, khoản 11 Điều 70 Hiến pháp năm 2013, riêng Hiến pháp năm 1946 không quy định).

2.1.5. Trường hợp đối với người chưa thành niên phạm tội (khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự)

Thứ nhất, người phạm tội là người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự là tội phạm (Điều 68).

Thứ hai, tội phạm mà người chưa thành niên thực hiện phải là tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng, gây hại không lớn.

Thứ ba, người chưa thành niên phải có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Thứ tư, người chưa thành niên được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức xã hội nhận giám sát, giáo dục.

2.2. QUY ĐỊNH CỦA PHẦN CÁC TỘI PHẠM BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

Hiện nay, các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự trong Phần các tội phạm Bộ luật hình sự có giá trị pháp lý và phạm vi áp dụng gắn liền với từng tội phạm cụ thể, phục vụ trực tiếp cho công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm riêng biệt, nhưng đồng thời cũng thể hiện chính sách phân hóa tội phạm, người phạm tội và nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam.

2.2.1. Trường hợp đối với người phạm tội gián điệp (khoản 3 Điều 80 Bộ luật hình sự)

Tội gián điệp là một trong những tội phạm đặc biệt nguy hiểm xâm phạm đến an ninh quốc gia. Tội phạm này xâm phạm đến độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, khả năng quốc phòng, an ninh đối ngoại của đất nước,

sự tồn tại và sự vững mạnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Vì an ninh đối ngoại chính là nền độc lập của quốc gia, sự bất khả xâm phạm lãnh thổ, sức mạnh quốc phòng và của chính quyền nhân dân.

2.2.2. Trường hợp đối với người phạm tội đưa hối lộ (đoạn 2 khoản 6 Điều 289 Bộ luật hình sự)

Tội đưa hối lộ là tội phạm được tách ra từ tội đưa hối lộ, tội làm môi giới hối lộ (Điều 227 Bộ luật hình sự năm 1985) và được quy định tại Điều 289 Bộ luật hình sự năm 1999. Theo đó, chủ thể của tội phạm này vì những lợi ích khác nhau mà họ đã đưa hối lộ cho người có chức vụ, quyền hạn, qua đó xâm phạm hoạt động đúng đắn của Nhà nước, làm giảm uy tín của các cơ quan Nhà nước trước nhân dân, cũng như gây thiệt hại cho Nhà nước, xã hội hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Lợi ích của người đưa hối lộ ở đây có thể là lợi ích trực tiếp của bản thân người đưa hối lộ, có thể là lợi ích của những người quen thân thích, trong gia đình, họ hàng hoặc cũng có thể là lợi ích của cơ quan, tổ chức mà người đưa hối lộ làm đại diện hoặc thành viên....

2.2.3. Trường hợp đối với người phạm tội làm môi giới hối lộ (khoản 6 Điều 290 Bộ luật hình sự)

Cũng giống như tội đưa hối lộ, tội làm môi giới hối lộ cũng là loại tội phạm nguy hiểm cho xã hội. Chính vì lẽ đó, trước đây trong Bộ luật hình sự năm 1985 (Điều 227), các nhà làm luật nước ta không quy việc miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội làm môi giới hối lộ. Điều này có nghĩa, bất kể trường hợp nào hành vi cấu thành tội làm môi giới hối lộ thì người phạm tội đều phải chịu trách nhiệm hình sự.

2.2.4. Trường hợp đối với người phạm tội không tố giác tội phạm (khoản 3 Điều 314 Bộ luật hình sự)

Theo Bộ luật hình sự, hành vi không tố giác tội phạm là tội phạm được quy định ở Điều 314. Hành vi phạm tội không tố giác tội phạm luôn được thực hiện dưới hình thức không hành động.

2.3. THỰC TIỄN ÁP DỤNG MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

2.3.1. Khái quát chung về tình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Theo Website chính thức về tỉnh Đắk Lắk cho thấy: Tỉnh Đắk Lắk nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên. Đắk Lắk có diện tích 13.125,37 km², dân số toàn tỉnh tính đến năm 2012 đạt 1.796.666 người, mật độ dân số đạt hơn 137 người/km². Cộng đồng dân cư Đắk Lắk gồm 47 dân tộc, người Kinh chiếm trên 70 %; các dân tộc thiểu số như Ê Đê, M'nông, Thái, Tày, Nùng... chiếm gần 30%. Dân số tỉnh phân bố không đều trên địa bàn các huyện, tập trung chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột và một số thị trấn, huyện lỵ. Hiện nay, tỉnh Đắk Lắk có các đơn vị hành chính cấp huyện như sau:

Bảng 2.1. Hệ thống các đơn vị hành chính của tỉnh Đắk Lắk

Stt	Tên đơn vị	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Năm thành lập
1	Tp. Buôn Ma Thuột	377,18	339.879	05/6/1930
2	Thị xã Buôn Hồ	282,2	99.949	23/12/2008
3	Huyện Ea Súp	1.765,63	62.497	30/8/1977
4	Huyện Krông Năng	614,79	121.410	09/11/1987
5	Huyện Krông Búk	357,82	59.892	1976
6	Huyện Buôn Đôn	1.410,40	62.300	07/10/1995
7	Huyện Cư M'Gar	824,43	168.084	23/01/1984
8	Huyện Ea Kar	1.037,47	146.810	13/9/1986
9	Huyện M'Đrăk	1.336,28	69.014	30/8/1977
10	Huyện Krông Pắc	625,81	203.113	1976
11	Huyện Krông Bông	1.257,49	90.126	19/9/1981
12	Huyện Krông Ana	356,09	84.043	19/9/1981
13	Huyện Lắk	1.256,04	62.572	1976
14	Huyện Cư Kuin	288,30	101.854	27/8/2007
15	Huyện Ea H'Leo	1.335,12	125.123	03/4/1980

(Nguồn: [Http://daklak.gov.vn](http://daklak.gov.vn))

2.3.2. Thực tiễn áp dụng miễn trách nhiệm hình sự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án

Việc áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự thuộc thẩm quyền của các Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án căn cứ vào các giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng để chấm dứt hoạt động tố tụng hình sự đối với vụ án hoặc đối với bị can, bị cáo theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

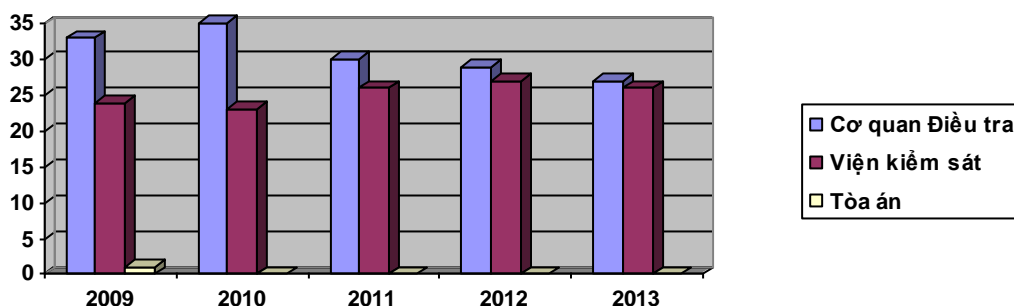
Số bị can, bị cáo được áp dụng miễn trách nhiệm hình sự giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 05 năm (2009 - 2013) như sau:

Bảng 2.2. Số bị can, bị cáo được áp dụng miễn trách nhiệm hình sự giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 05 năm (2009 - 2013)

Năm	TỔNG SỐ VỤ ÁN VÀ BỊ CAN, BỊ CÁO ĐƯỢC MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG CÁC GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA, TRUY TỐ VÀ XÉT XỬ					
	Cơ quan Điều tra		Viện kiểm sát		Tòa án	
	Số vụ án	Số bị can	Số vụ án	Số bị can	Số vụ án	Số bị cáo
2009	33	33	24	24	1	1
2010	35	35	23	23	0	0
2011	30	31	26	26	0	0
2012	29	29	27	27	0	0
2013	27	31	26	26	0	0
Tổng	154	159	126	126	1	1

(Nguồn: Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2014)

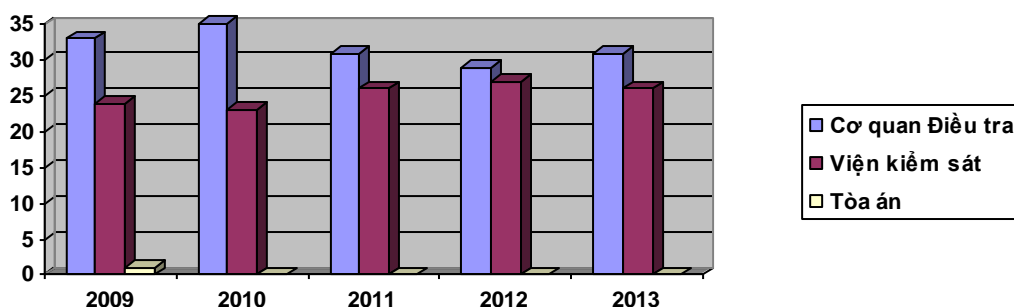
Tổng số vụ án được các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Lắk áp dụng miễn trách nhiệm hình sự trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013) như sau:



Biểu đồ 2.1. Tổng số vụ án được các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Lắk áp dụng miễn trách nhiệm hình sự trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013)

(Nguồn: Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2014)

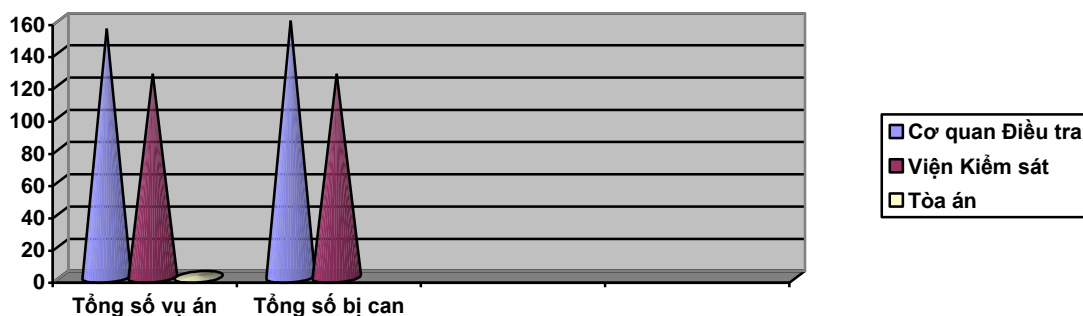
Ngoài ra, tổng số bị can, bị cáo được các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Lắk áp dụng miễn trách nhiệm hình sự trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013) như sau:



Biểu đồ 2.2. Tổng số bị can, bị cáo được các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Lắk áp dụng miễn trách nhiệm hình sự trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013)

(Nguồn: Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2014)

Như vậy, tổng số vụ án và tổng số bị can, bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013) như sau:



Biểu đồ 2.3. Tổng số vụ án và tổng số bị can, bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013)

(Nguồn: Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2014)

Ngoài ra, đối với Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013), tình hình áp dụng khoản 1 Điều 25 Bộ luật hình sự (về miễn trách nhiệm hình sự) trong tương quan với khoản 2 Điều 105 Bộ luật tố tụng hình sự (về đình chỉ vụ án theo yêu cầu của người bị hại) và khoản 7 Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự (về trường hợp người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác) về ba loại án - án kinh tế, án ma túy và án hình sự như sau:

Bảng 2.3. Tình hình áp dụng khoản 1 Điều 25 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 105 và khoản 7 Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013)

Đình chỉ điều tra	Tổng số chung		Khoản 1 Điều 25 Bộ luật hình sự		Khoản 2 Điều 105 BLTTHS		Khoản 7 Điều 107 BLTTHS		Các lý do khác	
	Số vụ	Số người	Số vụ	Số người	Số vụ	Số người	Số vụ	Số người	Số vụ	Số người
- Năm 2009:										
Án kinh tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ %	0 %									
Án ma túy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ %	0 %									
Án hình sự	58	58	12	12	27	27	18	18	01	01
Tỷ lệ %	100%									
Tổng	58	58	12	12	27	27	18	18	01	01
Tỷ lệ %	100%		17,5 %		47,5%		33,7%		1,3%	
- Năm 2010:										
Án kinh tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ %	0 %									
Án ma túy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ %	0 %									
Án hình sự	58	58	8	8	30	30	20	20	0	0
Tỷ lệ %	100%									
Tổng	58	58								
Tỷ lệ %	100%		14,6%		52,4%		33%		0%	
- Năm 2011:										
Án kinh tế	1	1	1	01	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ %	1,1%		1,1%							
Án ma túy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ %										
Án hình sự	55	56	7	8	29	29	19	19	0	0
Tỷ lệ %	98,7%		14,3%		51,9%		33,7%			
Tổng	56	57	8	9	29	29	19	19	0	0
Tỷ lệ %	100 %		15,4%		51,3%		33,3%			
- Năm 2012:										
Án kinh tế	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ %	1,25%		1,25%							
Án ma túy	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ %										

Tỷ lệ %	1,25%		1,25%							
Án hình sự	54	54	6	6	31	31	17	17	5	0
Tỷ lệ %	97,5%		11,4%		57%		27,8%		1,25%	
Tổng	56	56	11	8	31	31	17	17	5	0
Tỷ lệ %	100 %		13,9%		57%		27,8%		1,25%	
- Năm 2013:										
Án kinh tế	2	3	2	3	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ %	2,78 %		2,78 %							
Án ma túy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tỷ lệ %										
Án hình sự	51	54	7	10	31	31	13	13	0	0
Tỷ lệ %	97,22 %		12,5 %		59,7 %		25 %			
Tổng	53	57	9	13	31	31	13	13		
Tỷ lệ %	100 %		15,2 %		59,7 %		25 %			

Nguồn: Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2014)

Ngoài ra, tổng số bị can, bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự về một số tội phạm như sau:

Bảng 2.4. Tổng số bị can, bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự về một số tội phạm trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013)

TỔNG SỐ BỊ CAN, BỊ CÁO ĐƯỢC MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VỀ MỘT SỐ TỘI PHẠM				
Năm	Cơ quan Điều tra	Viện kiểm sát	Tòa án	Ghi chú
Năm 2009				
Điều 104	23	17	0	
Điều 133	1	0	1	
Điều 138	2	1	0	
Điều 139	1	2	0	
Điều 202	1	3	0	
Điều 245	1	0	0	
Điều 248	4	1	0	
Năm 2010				
Điều 104	27	19	0	
Điều 138	1	1	0	
Điều 202	2	2	0	
Điều 245	2	0	0	
Điều 248	3	1	0	
Năm 2011				
Điều 104	24	21	0	
Điều 138	1	1	0	
Điều 139	1	1	0	
Điều 202	1	1	0	
Điều 245	1	1	0	
Điều 248	2	1	0	
Năm 2012				

TỔNG SỐ BỊ CAN, BỊ CÁO ĐƯỢC MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VỀ MỘT SỐ TỘI PHẠM			
Điều 104	23	22	0
Điều 138	1	1	0
Điều 202	3	2	0
Điều 245	1	0	0
Điều 248	1	2	0
Năm 2013			
Điều 104	22	20	0
Điều 133	1	0	0
Điều 138	2	1	0
Điều 139	1	1	0
Điều 202	1	2	0
Điều 245	1	1	0
Điều 248	1	1	0

(Nguồn: Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2014)

Như vậy, trên cơ sở bảng, biểu số liệu của các Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có thể rút ra những nhận xét sau:

* Việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án với lý do miễn trách nhiệm hình sự chủ yếu được thực hiện bởi Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát

* Việc việc áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013) cho thấy chủ yếu tập trung vào một số loại tội phạm nhất định trong Bộ luật hình sự.

* Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế không phải hình sự thuộc các ngành luật khác (tổ tụng hình sự, hành chính, kỷ luật, lao động, dân sự...) đối với người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự còn chưa thống nhất.

**Bảng 2.5. Phân tích 28 vụ án được miễn trách nhiệm sự
trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013)**

Số vụ án	Biện pháp cưỡng chế không phải hình sự	Cơ quan áp dụng
03	Xử lý hành chính	Cơ quan Điều tra
02	Xử lý hành chính	Viện kiểm sát
02	Buộc bồi thường thiệt hại	Viện kiểm sát
10	Không áp dụng	Cơ quan Điều tra
11	Không áp dụng	Viện Kiểm sát

(Nguồn: Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2014)

2.3.3. Một số tồn tại, hạn chế trong thực tiễn áp dụng và các nguyên nhân cơ bản

Nghiên cứu thực tiễn áp dụng miễn trách nhiệm hình sự của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án áp dụng trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013) cho thấy, về cơ bản, việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về miễn trách nhiệm hình sự và thủ tục áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam cho thấy Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát và người có thẩm quyền đã có nhiều cố gắng trong việc

thực hiện. Việc áp dụng cơ bản là đúng đắn và chính xác về căn cứ, thẩm quyền và thủ tục, hạn chế được số vụ án oan, sai, vi phạm pháp luật, đình chỉ điều tra và đình chỉ vụ án không đúng pháp luật, qua đó góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội, đặc biệt là việc phân hóa tội phạm và người phạm tội. Tuy vậy, trong quá trình áp dụng miễn trách nhiệm hình sự vẫn không tránh khỏi một số tồn tại, hạn chế như sau:

*** Nhầm lẫn giữa trường hợp miễn trách nhiệm hình sự do sự chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa (khoản 1 Điều 25 Bộ luật hình sự) với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự**

*** Áp dụng chưa chính xác trường hợp do sự chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội để miễn trách nhiệm hình sự (khoản 1 Điều 25 Bộ luật hình sự)**

*** Còn nhiều trường hợp Cơ quan Điều tra hoặc Viện kiểm sát miễn trách nhiệm hình sự trên cơ sở có đơn xin bãi nại của người bị hại - trường hợp chưa được Bộ luật hình sự quy định**

*** Việc Tòa án áp dụng miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo đáp ứng các điều kiện còn hạn chế và rất ít. Trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013), Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chỉ miễn trách nhiệm hình sự cho 01 bị cáo về tội cướp tài sản (Điều 133 Bộ luật hình sự) vào năm 2009.**

Như vậy, từ thực trạng áp dụng và một số tồn tại, hạn chế đã nêu khi áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự theo người viết là do các nguyên nhân cơ bản dưới đây.

Một là, quy định về miễn trách nhiệm hình sự chưa chặt chẽ, các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật chưa thống nhất.

Hai là, trình độ nhận thức về các quy định của pháp luật (trong đó có pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự) của một số cán bộ trong các Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án còn hạn chế, việc nhận thức về điều kiện miễn trách nhiệm hình sự còn nhầm lẫn với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, với căn cứ đình chỉ vụ án hay căn cứ không khởi tố vụ án hình sự...

Ba là, sự chỉ đạo, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới chưa được liên tục, thường xuyên, nhất là ở các cơ quan Viện kiểm sát trong việc kiểm tra, kiểm sát các án được đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án nên dẫn đến việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án và áp dụng miễn trách nhiệm hình sự còn chưa đúng pháp luật.

Bốn là, do sự phát triển kinh tế, xã hội đã làm nảy sinh nhiều hiện tượng liên quan tới quá trình hình sự hóa - phi hình sự hóa, tội phạm hóa - phi tội phạm hóa hoặc sự thay đổi của pháp luật (nhất là các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật) nên thực tiễn xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn tiến hành tố tụng hình sự một số vụ án nhưng sau đó lại phải đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án và áp dụng miễn trách nhiệm hình sự.

Năm là, còn có một vài trường hợp xuất phát từ nguyên nhân chủ quan

nữa là sự cố ý làm trái các quy định của pháp luật để cho người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự do động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân khác, dẫn đến bỏ lọt tội phạm và người phạm tội hoặc thậm chí sợ bị bồi thường oan, sai nên đã cố tình miễn trách nhiệm hình sự không đúng luật. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk chưa thấy có hiện tượng này.

Chương 3

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG

3.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

Như đã phân tích, miễn trách nhiệm hình sự là một biện pháp tác động xã hội bên cạnh các biện pháp cưỡng chế hình sự khác, đồng thời với tư cách là một hình thức thực hiện trách nhiệm hình sự để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm, thì việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự cũng không nằm ngoài mục đích chung là hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự....

3.1.1. Về phương diện thực tiễn áp dụng

Trên phương diện này, việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự cho thấy: bên cạnh các kết quả đạt được, hiện nay vẫn còn một số trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát) đã miễn trách nhiệm hình sự chưa đúng pháp luật, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do người phạm tội thực hiện chưa đầy đủ và chưa chính xác.

3.1.2. Về phương diện lý luận

Trên phương diện này, việc tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về chế định này có ý nghĩa quan trọng nhằm làm sáng tỏ chính sách phân hóa tội phạm và người phạm tội trong đường lối xử lý của Nhà nước ta, đồng thời thực hiện đúng đắn phương châm “*ng nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục, thuyết phục*”.

3.1.3. Về phương diện lập pháp hình sự

Như vậy, từ yêu cầu của hai phương diện thực tiễn và lý luận đã nêu cho thấy về mặt lập pháp cũng cần cụ thể hóa việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự. Về mặt này, việc hoàn thiện góp phần giúp cho các nhà làm luật nước ta nhận thấy những tồn tại, bất cập của chế định miễn trách nhiệm hình sự để sửa đổi, bổ sung hoặc loại trừ những quy định thiếu chính xác về mặt khoa học và không còn phù hợp với thực tiễn, cũng như cập nhật những chính sách nhân đạo trong giai đoạn mới của Nhà nước ta; cũng như phòng, chống việc vi phạm pháp luật.

3.2. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

3.2.1. Nhận xét chung

Từ việc nghiên cứu lý luận trong Chương 1, thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, trên cơ sở các báo cáo tổng kết và Dự thảo toàn bộ Bộ luật hình sự Việt Nam (Dự thảo ngày 24/5/2015), để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, giáo dục, cải tạo người phạm tội và tránh vi phạm pháp luật trong thực tiễn giải quyết vụ án hình sự, người viết đưa ra những kiến nghị khoa học để sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự với các nhận xét, đề xuất như sau:

** Nhận xét thứ nhất - cần bổ sung hậu quả của việc áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự*

** Nhận xét thứ hai - cần sửa đổi về trường hợp miễn trách nhiệm hình sự do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội có thể áp dụng cho cả người tổ chức, người xúi giục và người giúp sức trong đồng phạm tại Bộ luật hình sự*

** Nhận xét thứ ba - cần quy định rõ “sự chuyển biến của tình hình” trong khoản 1 Điều 25 Bộ luật hình sự*

** Nhận xét thứ tư - cần hạn chế phạm vi loại tội được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 25 Bộ luật hình sự*

** Nhận xét thứ năm - cần sửa đổi tăng khả năng áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự*

** Nhận xét thứ sáu - cần bổ sung một số trường hợp miễn trách nhiệm hình sự cho phù hợp với thực tiễn xét xử và pháp luật hình sự các nước*

** Cần phân tách hai chế định miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt cho người phạm tội không tố giác tội phạm quy định tại khoản 3 Điều 314 Bộ luật hình sự*

Như vậy, đối với trường hợp miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội không tố giác tội phạm, cần phải khẳng định rõ “...có hành động can ngăn hoặc hạn chế tới mức thấp nhất tác hại của tội phạm” thì mới có thể được miễn trách nhiệm hình sự.

2.3.2. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung

Như vậy, các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự nên sửa đổi, bổ sung (chữ in đậm, nghiêng là kiến nghị của người viết trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc các quan điểm khoa học, pháp luật hình sự một số nước trên thế giới và thực tiễn xét xử) như sau:

Điều 19. Tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm

1. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là **trường hợp một người** tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản.

2. **Người thực hành** tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm; nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành của một tội khác, thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này.

3. *Người tổ chức, người xúi giục hoặc người giúp sức trong đồng phạm được miễn trách nhiệm hình sự nếu họ từ bỏ ý định phạm tội, đồng thời tiến hành thực hiện các biện pháp ngăn chặn cần thiết việc thực hiện tội phạm đến cùng của người thực hành nên hậu quả đã không xảy ra.*

...

Điều 25. Miễn trách nhiệm hình sự

1. *Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự trong những trường hợp sau đây:*

a) Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử do sự chuyển biến của tình hình **chính trị, kinh tế, xã hội** mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

b) *Nếu tính từ ngày tội phạm được thực hiện đã qua một thời hạn nhất định tương ứng với từng loại tội phạm quy định tại Điều 23 Bộ luật này và đáp ứng những điều kiện khác do luật định.*

c) *Trong quá trình tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử khi có quyết định đại xá của Quốc hội.*

2. *Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự trong những trường hợp sau đây:*

a) Người phạm tội **ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng**, trong trường hợp trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm.

b) *Người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, nếu được cơ quan hoặc người có thẩm quyền chấp nhận, người bị hại đồng ý thỏa thuận và phải bồi thường thiệt hại đã gây ra.*

3. *Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan tiến hành tố tụng có thể áp dụng hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức hay người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế về tố tụng hình sự, xử lý hành chính hoặc kỷ luật, giải quyết vấn đề dân sự (nếu có) của người được miễn trách nhiệm hình sự, cũng như giao họ cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tương ứng giám sát, giáo dục.*

...

Điều 69. Nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội

1.

...

2. *Người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng, gây **thiệt** hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ **trách nhiệm hình sự** và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức **tương ứng** nhận **quản lý**, giám sát giáo dục, thì **được** miễn trách nhiệm hình sự.*

...

Điều 289. Tội làm môi giới hối lộ

1.

...

6. Người *làm* môi giới hối lộ ***tuy không bị ép buộc*** mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.

...

Điều 314. Tội không tố giác tội phạm

1.

...

3. Người không tố giác nếu đã có hành động can ngăn người phạm tội, ***thì có thể được miễn hình phạt***; nếu cố gắng hạn chế tác hại của tội phạm, ***thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự***.

...

3.3. NHỮNG KIẾN NGHỊ KHÁC NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

Hiện nay, để nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự, ngoài giải pháp hoàn thiện pháp luật (đã nêu trong mục 3.2.), đòi hỏi cần có những giải pháp tổng thể khác để phục vụ kịp thời cho thực tiễn xét xử mà trong mục 3.3. dưới đây người viết sẽ đề cập đến.

3.3.1. Sửa đổi, bổ sung thống nhất về căn cứ miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự

Việc quy định về căn cứ để các Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát hay Tòa án đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, miễn trách nhiệm hình sự còn chưa thống nhất trong Bộ luật tố tụng hình sự (khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 169, Điều 181, Điều 227 và Điều 249). Theo đó, lúc thì quy định “khi có căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự cho bị can, bị cáo theo quy định tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 của Bộ luật hình sự” (các điều 164, 169 và 181); lúc thì quy định “*khi có căn cứ miễn trách nhiệm hình sự*” (các điều 227, 249).

Ngoài ra, cũng cần quy định trong các điều luật tương ứng về đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án với nội dung nếu vụ án đã được khởi tố, điều tra, truy tố mà tội phạm lại được đại xá thì không áp dụng căn cứ không khởi tố vụ án hình sự mà áp dụng các quy định về đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án tránh sự mâu thuẫn giữa luật nội dung - luật hình sự và luật hình thức - luật tố tụng hình sự.

3.3.2. Sự tham gia của các cơ quan, tổ chức và gia đình người được miễn trách nhiệm hình sự để giám sát, quản lý và giáo dục

Trong Bộ luật hình sự, các nhà làm luật Việt Nam mới chỉ quy định riêng trường hợp miễn trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội (khoản 2 Điều 69).

Ngoài ra, việc giao cho gia đình, cơ quan hoặc tổ chức tương ứng giám sát và giáo dục người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự là thể hiện sự vận dụng đúng đắn các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước, sức mạnh tổng hợp của các tổ chức quần chúng, cũng như của gia đình và chính quyền địa phương nhằm xóa bỏ những điều kiện, khả năng tiếp tục tái vi phạm hoặc phạm tội, làm cho họ chủ động

tích cực cải tạo trở thành người lao động lương thiện và có ích cho xã hội.

Gia đình là tế bào của xã hội, là nơi con người sinh sống, lớn lên, phát triển và hoàn thiện nhân cách của mình. Đối với người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự thì gia đình là tổ ấm, môi trường thuận lợi cho họ tự tu dưỡng và rèn luyện đạo đức, tái hòa nhập cuộc sống.

3.3.3. Nâng cao ý thức pháp luật, năng lực, trình độ chuyên môn của người có thẩm quyền áp dụng miễn trách nhiệm hình sự trong Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án

Trong lĩnh vực áp dụng các quy định pháp luật về đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án do miễn trách nhiệm hình sự cũng đòi hỏi các cán bộ thực thi pháp luật trong công tác này phải nắm vững các căn cứ đình chỉ, lý do đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, căn cứ và những điều kiện miễn trách nhiệm hình sự, thẩm quyền quyết định, trình tự thủ tục trong pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự để việc áp dụng được khách quan, chính xác và đúng pháp luật.

3.3.4. Tăng cường hiệu quả của Viện kiểm sát trong việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án do miễn trách nhiệm hình sự

Đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án nói chung, đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án do miễn trách nhiệm hình sự nói riêng là những vấn đề quan trọng không những Bộ luật tố tụng hình sự quy định cho các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, mà còn trong thực tiễn quá trình giải quyết vụ án hình sự. Việc áp dụng có căn cứ, hợp pháp và đúng pháp luật có ý nghĩa quan trọng không chỉ trong công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, mà nó có vai trò rất lớn trong việc giáo dục, cải tạo người phạm tội, nếu các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền cho họ được miễn trách nhiệm hình sự, được hưởng lượng khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước.

KẾT LUẬN

Tóm lại, qua việc nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học: “*Miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*” cho phép người viết đưa ra các kết luận dưới đây:

1. Miễn trách nhiệm hình sự là một chế định phản ánh chính sách phân hóa trong luật hình sự Việt Nam, đó là phân hóa các trường hợp phạm tội, các đối tượng phạm tội khác nhau để các Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án có đường lối xử lý chính xác, công bằng và đúng pháp luật giữa các hướng xử lý - trường hợp nào cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp nào miễn trách nhiệm hình sự; trường hợp nào đương nhiên được miễn trách nhiệm hình sự và trường hợp nào có thể được miễn trách nhiệm hình sự. Đặc biệt, nó còn phản ánh nguyên tắc nhân đạo của Nhà nước ta đối với người phạm tội và hành vi do họ thực hiện, đồng thời nhằm động viên, khuyến khích người phạm tội lập công chuộc tội, chứng tỏ khả năng giáo dục, cải tạo nhanh chóng, hòa nhập với cộng đồng xã hội.

2. Miễn trách nhiệm hình sự có mối quan hệ mật thiết và chặt chẽ với chế định rộng lớn và bao trùm trong luật hình sự - chế định trách nhiệm hình sự. Do đó, quy định đầy đủ và giải quyết tốt vấn đề trách nhiệm hình sự và áp dụng đúng đắn chế định miễn trách nhiệm hình sự sẽ tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ các lợi ích của Nhà nước, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân trong một xã hội.

3. Căn cứ vào những quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009 cho thấy: các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự được chia thành *năm* trường hợp trong Phần chung (Điều 19, các khoản 1, 2, 3 Điều 25 và khoản 2 Điều 69) và *bốn* trường hợp trong Phần các tội phạm (khoản 3 Điều 80, đoạn 2 khoản 6 Điều 289, khoản 6 Điều 290 và khoản 3 Điều 314) theo tiêu chí tính chất để phân loại thành những trường hợp miễn trách nhiệm hình sự bắt buộc hay tùy nghi (lựa chọn).

4. Miễn trách nhiệm hình sự là một trong những căn cứ để đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án, thuộc thẩm quyền của các Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thực tiễn áp dụng chế định này trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 05 năm (2009 - 2013) cho thấy, việc áp dụng chủ yếu được thực hiện trong giai đoạn điều tra, truy tố và do Cơ quan Điều tra và Viện Kiểm sát thực hiện, còn trong giai đoạn xét xử, Tòa án hầu như không áp dụng. Việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về miễn trách nhiệm hình sự và sự thể hiện chúng trong các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam còn cho thấy các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện các quy định này để áp dụng cho đúng đắn và chính xác về căn cứ, thẩm quyền và thủ tục, hạn chế vi phạm pháp luật, qua đó góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội. Thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật hình sự về miễn trách nhiệm hình sự và thủ tục thực hiện trong Bộ luật tố tụng hình sự, trước hết là do có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan Điều tra với Viện kiểm sát hay Viện kiểm sát với Tòa án) trên cơ sở chức năng, thẩm quyền do pháp luật quy định. Ngoài ra, do sự chỉ đạo của lãnh đạo ngành cấp trên đối với công tác giải quyết các vụ án hình sự.

5. Tóm lại, đề tài luận văn thạc sĩ luật học với tên gọi “**Miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**” có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng, qua đó, góp phần phục vụ trực tiếp việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, với những kiến nghị cụ thể và đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng chế định này không chỉ có vai trò nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, mà còn phục vụ yêu cầu giáo dục, cải tạo người phạm tội, cũng như phân hóa các trường hợp phạm tội, các đối tượng phạm tội khác nhau được chính xác, công bằng và đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.